TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TB** **TỈNH QN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2022/HS - ST
Ngày: 10/6/2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TB, TỈNH QN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông NCD

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông: T N T

Ông: N T H

- Thư ký phiên tòa: Ông HVT - Thư ký Tòa án nhân dân huyện TB, tỉnh QN.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TB, tỉnh QN tham gia phiên tòa*:** Bà HTN - Kiểm sát viên.

Trong ngày 10 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện TB, tỉnh QN, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 21/2022/TLST - HS ngày 11 tháng 5 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2022/QĐXXST - HS ngày 24 tháng 5 năm 2022 đối với bị cáo:

HVL, sinh ngày 01 tháng 1 năm 1986 tại, xã TX, huyện TB, tỉnh QN.

Nơi cư trú: Xã TX, huyện TB, tỉnh QN; nghề nghiệp: Nông; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Cadong; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông HVC và bà HTS; có vợ HTG và 02 người con; tiền án: Không; tiền sự: Không; nhân thân: Tốt; Bị cáo được áp dụng lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú ngày 11 tháng 5 năm 2022, "có mặt".

- *Người bào chữa cho bị cáo*: Bà PTHC, trợ giúp viên pháp lý công tác tại Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Quảng Ngãi bào chữa cho bị cáo HVL, "có mặt".

- *Nguyên đơn dân sự:* Ban Quản lý rừng phòng hộ tỉnh QN do ông TKN - Giám đốc là người đại diện theo pháp luật. Địa chỉ: Hẻm 173 NSL, phường TP, thành phố QN, tỉnh QN; ủy quyền cho ông VCT - Trạm trưởng, Trạm Quản lý bảo vệ rừng khu T, huyện TB, tỉnh QN. Địa chỉ: Xã TP, huyện TB, tỉnh QN, "có mặt".

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Chị HTG, sinh năm 1988.

Nơi cư trú: xã TX, huyện TB, tỉnh QN, (có mặt).

- *Những người làm chứng*:

1. Anh HVN, sinh năm 1987, (vắng mặt).

2. Anh HVT, sinh năm 1980, (vắng mặt).

3. Bà HTT, sinh năm 1964, (vắng mặt).

Đều cư trú: Xã TX, huyện TB, tỉnh QN.

- *Người phiên dịch:* Ông HVT – Phó chủ tịch UBMTTQ Việt Nam xã TX, huyện TB, tỉnh QN, "có mặt".

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng thời gian tháng 3 năm 2021 HVL, sinh 1986, hộ khẩu thường trú tại: xã TX, huyện TB, tỉnh QN đi đến địa điểm lâm phận rừng tự nhiên phòng hộ thuộc lô 16a, 17c, khoảnh 9 tiểu khu 96, xã TX, huyện TB, tỉnh QN sử dụng cái rựa và rìu cán bằng gỗ để chặt hạ những cây gỗ có kích thước từ 20cm trở xuống và những cây bụi, dây leo, mục đích để làm nương rẫy trồng lúa, hoa màu; co gọi thêm vợ là chị HTG lên khu vực trên để tham gia chặt phá (chị HTG là người được HVL gọi để đi giúp phát dọn cây bụi, dây leo và không biết khu vực rừng trên là rừng phòng hộ được nhà nước quản lý, bảo vệ). Tổng cộng việc hủy hoại rừng trong thời gian 07 ngày.

Hành vi của HVL đã xâm phạm vào các quy định của Nhà nước về khai thác và bảo vệ rừng, xâm hại đến sự ổn định và bền vững của môi trường sinh thái, đối tượng tác động trực tiếp là rừng phòng hộ.

- Tại Kết luận giám định số: 619/CCKL-KLGĐ, ngày 27/8/2021 của chi cục Kiểm lâm tỉnh Quảng Ngãi Kết luận:

+ Có rừng thiệt hại tại vị trí mà Hạt kiểm lâm huyện Trà Bồng xác lập biên bản kiểm tra hiện trường ngày 30/6/2021; Loại rừng bị thiệt hại là rừng tự nhiên lá rộng thường xanh nghèo kiệt (TXK).

+ Vị trí rừng bị phá thuộc lô 16a, 17c, khoảnh 9, tiểu khu 96, xã TX, huyện TB, tỉnh QN. (Theo Tờ bản đồ diễn biến rừng năm 2020 huyện TB): Diện tích rừng bị thiệt hại là 6.909m^2 (Sáu nghìn chín trăm không chín mét vuông).

+ Trữ lượng rừng bị thiệt hại là 9.258m^3; trong đó gỗ dưới cành là 7,903m^3 và gỗ trên cành là 1,355m^3.

+ Chức năng quy hoạch cho lâm nghiệp là rừng phòng hộ đầu nguồn.

+ Chủ quản lý (chủ rừng) là Ban Quản lý rừng phòng hộ tỉnh QN- Trạm quản lý bảo vệ rừng khu Tây TB.

- Tại kết luận định giá tài sản số 01/KL-HĐĐGTS ngày 06/01/2022, kết luận: Thiệt hại về rừng là 6.909.000 đồng (sáu triệu chín trăm không chín nghìn đồng).

Tại cáo trạng số: 08/CT - VKS, ngày 06 tháng 5 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện TB truy tố bị cáo HVL về tội "Hủy hoại rừng" theo điểm c

khoản 1 Điều 243 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017. Tại phiên tòa kiểm sát viên thực hành quyền công tố giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm c, khoản 1 Điều 243; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017, tuyên phạt bị cáo từ 18 đến 24 tháng tù cho hưởng án treo.

Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo đã tự nguyện khắc phục hậu quả về giá trị rừng bị thiệt hại cho nhà nước tại cơ quan Điều tra với số tiền là 6.909.000 đồng (Sáu triệu chín trăm lẻ chín nghìn đồng).

Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự, khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự cần tuyên tịch thu tiêu hủy vật chứng gồm:

- 01 (một) cái rựa dài 62cm, lưỡi rựa làm bằng kim loại, màu xám đen, phần nhìn thấy được dài 26cm, phần rộng nhất của lưỡi rựa rộng 04cm, trên thân rựa có in chìm 03 hình ngôi sao; cán rựa làm bằng gỗ dài 36cm, mặt cắt ngang hình tròn, phần rộng nhất của cán rựa rộng 3,2cm, trên cán rựa có đính 05 khoen kim loại.

- 01 (một) cái rựa dài 60,5cm, lưỡi rựa làm bằng kim loại, màu đen sáng ánh kim, phần nhìn thấy được dài 24,5cm, phần rộng nhất của lưỡi rựa rộng 2,4cm, không có mấu rựa; cán bằng gỗ dài 36cm, mặt cắt ngang hình tròn, phần rộng nhất của cán rựa rộng 3,2cm, có vết nức dài 13cm trên thân cán rựa, trên cán rựa có đính 04 khoen kim loại.

- 01 (một) cái rựa không có cán dài 35,5cm, lưỡi rựa làm bằng kim loại, màu nâu đen, một số vị trí bị hoen rỉ, phần rộng nhất của lưỡi rựa rộng 04cm, không có mấu rựa.

- 01 (một) cái rìu được kết nối bởi 02 bộ phận tách rời, gồm lưỡi rìu và cán rìu; lưỡi rìu được kết nối bởi phần lưỡi bằng kim loại, màu đen - sáng ánh kim, kích thước (13,5x7x1,7)cm và thanh gỗ dài 53cm, màu vàng đen, phần rộng nhất của thanh gỗ rộng 06cm; phần cán rìu làm bằng gốc cây gỗ thân tre, dài 65cm, mặt cắt ngang hình tròn, phần rộng nhất rộng 05cm, phần hẹp nhất rộng 03cm, phần đầu cán được đục 01 lỗ hình chữ nhật kích thước (05x1,1)cm, trên thân cán gỗ bị nức gãy.

Ý kiến của người bào chữa cho bị cáo tại phiên tòa: Thống nhất với quan đểm luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Bồng, đề nghị Hội đồng xét xử vận dụng các tình tiết giảm nhẹ để cho bị cáo được hưởng 18 tháng tù cho hưởng án treo.

Người bào chữa, bị cáo không có lời tranh luận, bị cáo chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện TB, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện TB, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ Luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng không có ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về chứng cứ phạm tội:

Tại phiên tòa bị cáo HVL khai nhận hành vi phạm tội, lời khai nhận của bị cáo phù hợp với lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; những người làm chứng và các chứng cứ, tài liệu mà cơ quan điều tra đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để xác định:

Vào tháng 3 năm 2021 bị cáo đến rừng tự nhiên phòng hộ thuộc lô 16a, 17c, khoảnh 9 tiểu khu 96, xã TX, huyện TB, tỉnh QN sử dụng cái rựa và rìu cán bằng gỗ để chặt hạ những cây gỗ có kích thước từ 20cm trở xuống và những cây bụi, dây leo, mục đích để làm nương rẫy trồng lúa, hoa màu.

Hành vi của bị cáo đã xâm phạm các quy định của nhà nước về khai thác và bảo vệ rừng, xâm hại đến sự ổn định và bền vững của môi trường sinh thái. Viện kiểm sát nhân dân huyện TB truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật; bị cáo có đủ năng lực để chịu trách nhiệm hình sự về hành vi của mình.

[3] Về tính chất mức độ phạm tội:

Tại Kết luận giám định số: 619/CCKL - KLGĐ, ngày 27/8/2021 của chi cục Kiểm lâm tỉnh QN Kết luận: Có rừng thiệt hại tại vị trí mà Hạt kiểm lâm huyện TB xác lập biên bản kiểm tra hiện trường ngày 30/6/2021: Loại rừng bị thiệt hại là rừng tự nhiên lá rộng thường xanh nghèo kiệt (TXK). Vị trí rừng bị phá thuộc lô 16a, 17c, khoảnh 9, tiểu khu 96, xã TX, huyện TB, tỉnh QN (theo Tờ bản đồ diễn biến rừng năm 2020 huyện TB): Diện tích rừng bị thiệt hại là 6.909m^2 (sáu nghìn chín trăm không chín mét vuông). Trữ lượng rừng bị thiệt hại là 9.258m^3; trong đó gỗ dưới cành là 7,903m^3 và gỗ trên cành là 1,355m^3: Chức năng quy hoạch cho lâm nghiệp là rừng phòng hộ đầu nguồn, chủ quản lý (chủ rừng) là Ban Quản lý rừng phòng hộ tỉnh QN- Trạm quản lý bảo vệ rừng khu Tây TB.

Tại kết luận định giá tài sản số 01/KL-HĐĐGTS ngày 06/01/2022, kết luận: Thiệt hại về rừng là 6.909.000 đồng (sáu triệu chín trăm không chín nghìn đồng).

[4] Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiện hình sự:

Bị cáo không có tình tiết tăng nặng. Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tự nguyện khắc phục hậu quả; bị cáo là người đồng bào dân tộc thiểu số, trình độ học vấn thấp, gia đình thuộc diện hộ nghèo chỉ vì mục đích tỉa lúa phát triển kinh tế gia đình; có nhân thân tốt; tại phiên

tòa đại diện nguyên đơn dân sự xin cho bị cáo được hưởng án treo; nên cần xem đây là những tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 để cho bị cáo được hưởng án treo cũng vẫn đạt mục đích giáo dục, cải tạo người phạm tội và phòng ngừa chung cho xã hội.

[5] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo làm nghề nông, là người đồng bào dân tộc thiểu số sống ở vùng có điều kiện kinh tế - Xã hội đặc biệt khó khăn nên Hội đồng xét xử không áp dụng.

[6] Đề nghị của Kiểm sát viên và người bào chữa là phù hợp với nhận định của Hội Đồng xét xử nên được chấp nhận.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn dân sự yêu cầu bị cáo bồi thường cho nhà nước số tiền thiệt hại về rừng là 6.909.000đồng, ngoài ra không yêu cầu gì thêm. Trong giai đoạn điều tra bị cáo L đã tự nguyện giao nộp 6.900.000 đồng, cần tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

[8] Về tang vật vụ án: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 và khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự tuyên tịch thu tiêu hủy:

- 01 (một) cái rựa dài 62cm, lưỡi rựa làm bằng kim loại, màu xám đen, phần nhìn thấy được dài 26cm, phần rộng nhất của lưỡi rựa rộng 04cm, trên thân rựa có in chìm 03 hình ngôi sao; cán rựa làm bằng gỗ dài 36cm, mặt cắt ngang hình tròn, phần rộng nhất của cán rựa rộng 3,2cm, trên cán rựa có đính 05 khoen kim loại.

- 01 (một) cái rựa dài 60,5cm, lưỡi rựa làm bằng kim loại, màu đen sáng ánh kim, phần nhìn thấy được dài 24,5cm, phần rộng nhất của lưỡi rựa rộng 2,4cm, không có mấu rựa; cán bằng gỗ dài 36cm, mặt cắt ngang hình tròn, phần rộng nhất của cán rựa rộng 3,2cm, có vết nức dài 13cm trên thân cán rựa, trên cán rựa có đính 04 khoen kim loại.

- 01 (một) cái rựa không có cán dài 35,5cm, lưỡi rựa làm bằng kim loại, màu nâu đen, một số vị trí bị hoen rỉ, phần rộng nhất của lưỡi rựa rộng 04cm, không có mấu rựa.

- 01 (một) cái rìu được kết nối bởi 02 bộ phận tách rời, gồm lưỡi rìu và cán rìu; lưỡi rìu được kết nối bởi phần lưỡi bằng kim loại, màu đen- Sáng ánh kim, kích thước (13,5x7x1,7)cm và thanh gỗ dài 53cm, màu vàng đen, phần rộng nhất của thanh gỗ rộng 06cm; phần cán rìu làm bằng gốc cây gỗ thân tre, dài 65cm, mặt cắt ngang hình tròn, phần rộng nhất rộng 05cm, phần hẹp nhất rộng 03cm, phần đầu cán được đục 01 lỗ hình chữ nhật kích thước (05x1,1)cm, trên thân cán gỗ bị nức gãy.

[9] Đối với HTG là người bị cáo L bảo đi làm, bản thân chị G không biết khu vực trên là rừng phòng hộ do nhà nước quản lý, nên cơ quan điều tra Công an huyện TB không đề cập xử lý trách nhiệm hình sự là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[10] Về án phí sơ thẩm: Xét bị cáo L là người đồng bào dân tộc thiểu số sống ở vùng có điều kiện kinh tế - Xã hội đặc biệt khó khăn và đã có đơn xin miễn nộp tiền án phí. Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, 14 và Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, Hội đồng xét xử xét miễn nộp tiền án phí hình sự, dân sự sơ thẩm cho bị cáo.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 243; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

1. Tuyên bố: Bị cáo HVL phạm tội "Hủy hoại rừng".

Xử phạt: Bị cáo 18 (mười tám) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 3 (ba) năm, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo cho UBND xã TX, huyện TB, tỉnh QN để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Hậu quả của việc vi phạm nghĩa vụ trong thời gian thử thách: Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 (hai) lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 30 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 584, Điều 585 và Điều 589 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Buộc bị cáo phải có trách nhiệm bồi thường cho Nhà nước (do Ban quản lý rừng phòng hộ tỉnh QN làm đại diện) số tiền thiệt hại về rừng là 6.909.000đồng (bằng chữ: Sáu triệu chín trăm lẻ chín nghìn đồng).

Tạm giữ số tiền 6.909.000đồng (theo nội dung thanh toán), tại ủy nhiệm chi giữa cơ quan Công an huyện TB và Kho bạc Nhà nước huyện TB số: 04 ngày 02 tháng 6 năm 2022 để đảm bảo thi hành án.

3. Về vật chứng trong vụ án: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 và khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự tuyên tịch thu tiêu hủy:

01 (một) cái rựa dài 62cm, lưỡi rựa làm bằng kim loại, màu xám đen, phần nhìn thấy được dài 26cm, phần rộng nhất của lưỡi rựa rộng 04cm, trên thân rựa có in chìm 03 hình ngôi sao; cán rựa làm bằng gỗ dài 36cm, mặt cắt ngang hình tròn, phần rộng nhất của cán rựa rộng 3,2cm, trên cán rựa có đính 05 khoen kim loại.

01 (một) cái rựa dài 60,5cm, lưỡi rựa làm bằng kim loại, màu đen sáng ánh kim, phần nhìn thấy được dài 24,5cm, phần rộng nhất của lưỡi rựa rộng 2,4cm, không có mấu rựa; cán bằng gỗ dài 36cm, mặt cắt ngang hình tròn, phần rộng nhất

của cán rựa rộng 3,2cm, có vết nức dài 13cm trên thân cán rựa, trên cán rựa có đính 04 khoen kim loại.

01 (một) cái rựa không có cán dài 35,5cm, lưỡi rựa làm bằng kim loại, màu nâu đen, một số vị trí bị hoen rỉ, phần rộng nhất của lưỡi rựa rộng 04cm, không có mấu rựa.

01 (một) cái rìu được kết nối bởi 02 bộ phận tách rời, gồm lưỡi rìu và cán rìu; lưỡi rìu được kết nối bởi phần lưỡi bằng kim loại, màu đen - Sáng ánh kim, kích thước (13,5x7x1,7)cm và thanh gỗ dài 53cm, màu vàng đen, phần rộng nhất của thanh gỗ rộng 06cm; phần cán rìu làm bằng gốc cây gỗ thân tre, dài 65cm, mặt cắt ngang hình tròn, phần rộng nhất rộng 05cm, phần hẹp nhất rộng 03cm, phần đầu cán.

Theo biên bản giao nhận, đồ vật, tài liệu, vật chứng giữa Công án huyện Trà Bồng và Cơ quan Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trà Bồng ngày 09 tháng 5 năm 2022.

4. Về án phí hình sự, dân sự sơ thẩm: Bị cáo được miễn.

Bị cáo; nguyên đơn dân sự; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, (10/6/2022).

***Nơi nhận*:**
- Tòa án nhân dân tỉnh QN;
- VKSND huyện, tỉnh;
- Cơ quan Điều tra Công an huyện;
- Cơ quan Thi HAHS thuộc Công an huyện;
- Những người tham gia tố tụng;
- Thi hành án DS huyện;
- UBND xã TX;
- STP;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký